

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN THỐT NỐT
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 17.5.2019

V/v: “Tranh chấp ly hôn, nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỐT NỐT**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Thanh Điền
- *Hội thẩm nhân dân:*
 1. Bà Võ Thị Ánh
 2. Ông Nguyễn Văn Đông
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thốt Nốt tham gia phiên tòa:* Bà Trần Thị Kiều Oanh - Kiểm sát viên.
- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Nhàn - Cán bộ Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ.

Ngày 17 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 416/2018/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 12 năm 2018 về việc: “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con*”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2019/QĐXX-ST ngày 18 tháng 3 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Cẩm T** sinh năm 1993
Đăng ký thường trú: khu vực A, phường B, quận T, thành phố Cần Thơ.
Trú tại: khu vực X, phường Y, quận T, thành phố Cần Thơ.
 2. Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn L** sinh năm 1989
Trú tại: khu vực A, phường B, quận T, thành phố Cần Thơ.
 3. Người có quyền, lợi ích được bảo vệ:
 - 3.1. Cháu **Nguyễn Thị Như Y** sinh ngày 12.12.2008
 - 3.2. Cháu **Nguyễn Bảo Đ** sinh ngày 08.02.2012
(Đang sống với anh L; Và do anh L là người giám hộ).
 - 3.3. Cháu **Nguyễn Khả H** sinh ngày 03.7.2013
(Đang sống với chị T; Và do chị T là người giám hộ).
- (Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Tại đơn khởi kiện về việc ly hôn đề ngày 12.11.2018 và quá trình giải quyết vụ kiện, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Cẩm T trình bày:*

Do tự nguyện quen biết tìm hiểu và yêu thương nhau nên chị với anh Nguyễn Văn L được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới vào năm 2008, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân dân phường B, quận T, thành phố Cần Thơ ngày 18.4.2012. Sau khi cưới, vợ chồng sống chung gia đình chồng tại khu vực A, phường B, quận T, thành phố Cần Thơ đến khi vợ chồng ly thân.

Quá trình chung sống vợ chồng thường hay cãi vã, không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống, không tin tưởng nhau nên từ đầu năm 2017 chị T cùng với cháu H về nhà cha mẹ ruột tại khu vực X, phường Y, quận T để sống ly thân với anh L từ đó đến nay.

Quá trình chung sống, vợ chồng có 03 con chung gồm Nguyễn Thị Như Y, sinh ngày 12.12.2008, Nguyễn Bảo Đ, sinh ngày 08.02.2012 và Nguyễn Khả H, sinh ngày 03.7.2013. Hiện cháu Y và cháu Đ đang sống bên ông bà nội tại khu vực A, phường B, còn cháu H sống chung với chị T và ông bà ngoại.

Về tài sản chung: Do kinh tế vợ chồng khó khăn nên không có tài sản chung; Về nợ chung: Chị T trình bày không có.

Thời gian ly thân đã lâu, tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn nên chị yêu cầu ly hôn đối với anh Nguyễn Văn L.

- *Về con chung*: Chị yêu cầu được quyền nuôi con chung Nguyễn Khả H đến trưởng thành; Đồng ý ỏn định cho anh L được quyền nuôi 02 cháu Nguyễn Thị Như Y và Nguyễn Bảo Đ đến trưởng thành. Yêu cầu đối trừ nghĩa vụ cấp dưỡng nên không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

- *Tài sản chung và nợ chung*: không có.

** Tại các biên bản lấy lời khai ngày 15.3.2019 và quá trình giải quyết vụ kiện, người có quyền, lợi ích được bảo vệ cháu Nguyễn Thị Như Y và Nguyễn Bảo Đ trình bày:*

Các cháu là con của cha là Nguyễn Văn L và mẹ là Nguyễn Thị Cẩm T. Hiện nay các cháu đang sống chung với cha và ông bà nội tại khu vực A, phường B, quận Thốt Nốt. Nay cha mẹ ly hôn thì các cháu yêu cầu được tiếp tục sống với cha đến trưởng thành, không yêu cầu mẹ cấp dưỡng.

** Đối với bị đơn anh Nguyễn Văn L*: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt, niêm yết công khai, hợp lệ các văn bản tố tụng như: Thông báo thụ lý số 416/2018/TB.TLVA-HNGĐ ngày 25.12.2018; Thông báo về việc mở phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải số: 14a/2019/TB.TA ngày 07.01.2019; số 19/2019/TB.TA ngày 02.3.2019 và Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2019 ngày 18.3.2019, Quyết định hoãn phiên tòa số: 34/2019/QĐST-HNGĐ ngày 01.4.2019 nhưng anh L vẫn vắng mặt không rõ lý do nên Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa, nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa không lý do.

Ý kiến của Kiểm sát viên:

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng là đúng trình tự thủ tục luật định.

- Về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Cẩm T đối với bị đơn anh Nguyễn Văn L; Ôn định cho chị T được quyền tiếp tục nuôi con chung tên Nguyễn Khả H đến trưởng thành; Anh L được quyền nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thị Như Y và Nguyễn Bảo Đ đến trưởng thành. Đối trừ nghĩa vụ cấp dưỡng nên anh L, chị T không phải cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ pháp luật:* Chị Nguyễn Thị Cẩm T với anh Nguyễn Văn L tự nguyện yêu thương, được gia đình hai bên tác hợp và có đăng ký kết hôn tại UBND phường B, quận T, thành phố Cần Thơ nên hôn nhân của anh chị được xem là hợp pháp. Quá trình chung sống, anh chị phát sinh mâu thuẫn nên chị T có đơn khởi kiện. Xác định quan hệ pháp luật là “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 điều 28, điểm a khoản 1 điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] *Về thủ tục tố tụng:*

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Cẩm T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn anh Nguyễn Văn L đã được Tòa án tổng đạt công khai các văn bản tố tụng để triệu tập tham gia phiên tòa nhưng anh L vắng mặt không lý do. Nên Hội đồng xét xử có căn cứ tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại khoản 1, 3 điều 228, điểm b khoản 2 điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] *Xét về quan hệ hôn nhân:* Chị T và anh L chung sống từ năm 2008, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Theo chị T thì do tính tình vợ chồng không hòa hợp, hay xảy ra cự cãi nên từ năm 2017 chị cùng cháu H về nhà cha mẹ ruột sống ly thân với anh L từ đó đến nay.

Quá trình giải quyết vụ kiện, chị T kiên quyết ly hôn; anh L đã được triệu tập hợp lệ để tham gia giải quyết vụ án nhưng vẫn vắng mặt không lý do, không thể hiện mong muốn hàn gắn lại quan hệ vợ chồng; Mặt khác, từ khi ly thân đến nay vợ chồng đã bỏ mặc mà không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Điều này cho thấy, tình trạng vợ chồng giữa chị T với anh L đã thật sự rạn nứt, thực tế hôn nhân đã chấm dứt, đời sống chung không thể tồn tại kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là phù hợp, có căn cứ pháp luật.

[4] *Về con chung*: Chị T khai vợ chồng có 03 con chung tên Nguyễn Thị Như Y, Nguyễn Bảo Đ và Nguyễn Khả H. Hiện cháu Y và cháu Đ đang sống với anh L và ông bà nội tại khu vực A, phường B, còn cháu H sống chung với chị T và ông bà ngoại tại khu vực X, phường Y, quận T. Ngoài ra vợ chồng không có con nuôi hay con riêng nào khác.

Theo đó, chị T yêu cầu được nuôi cháu Hân, đồng ý ổn định cho anh L nuôi cháu Y và Đ. Điều này phù hợp với nguyện vọng của cháu Y và cháu Đ yêu cầu được tiếp tục sống với anh L và ông bà nội, bởi suốt thời gian qua và hiện nay các cháu vẫn liên tục sống cùng cha và bên nội, được sự chăm sóc chu đáo từ bên nội. Hơn nữa, suốt quá trình giải quyết vụ án anh L không ý kiến gì về việc nuôi con chung nên để đảm bảo quyền lợi của con Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu trên là có căn cứ theo quy định tại khoản 2 điều 81 Luật hôn nhân và gia đình 2014.

Về vấn đề cấp dưỡng: Do chị T yêu cầu đòi trừ nghĩa vụ, anh L vắng mặt không thể hiện ý kiến nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết, khi nào các bên tranh chấp vấn đề cấp dưỡng sẽ được giải quyết thành vụ kiện khác.

Về quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chung là thiêng liêng nên người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con chung; không ai được quyền cản trở người không trực tiếp nuôi con thực hiện quyền này. Ngoài ra, khi người trực tiếp nuôi con không đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con chung thì người không trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con theo quy định của pháp luật.

[5] *Về tài sản chung, nợ chung*: Chị T trình bày không có.

[6] *Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm*: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Cẩm T phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng:

- Khoản 1 điều 28, điểm a khoản 1 điều 35, điều 147, điều 220 và điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 8, khoản 1 điều 9, điều 51, 53, 56, 81, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Cẩm T đối với bị đơn anh Nguyễn Văn L.

1. *Về hôn nhân*: Chị Nguyễn Thị Cẩm T được ly hôn với anh Nguyễn Văn L.

2. Về con chung:

+ Chị Nguyễn Thị Cẩm T được quyền nuôi con chung tên Nguyễn Khả H, sinh ngày 03.7.2013 đến trưởng thành.

+ Anh Nguyễn Văn L được quyền nuôi con chung tên Nguyễn Thị Như Y, sinh ngày 12.12.2008 và Nguyễn Bảo Đ, sinh ngày 08.02.2012 đến trưởng thành.

Đối trừ nghĩa vụ cấp dưỡng nên không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Trường hợp sau này có phát sinh tranh chấp vấn đề cấp dưỡng thì được giải quyết thành vụ kiện khác.

Anh L, chị T có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung; không ai được quyền cản trở anh L, chị T thực hiện quyền này. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Ghi nhận ý kiến của đương sự về việc trình bày không có tài sản chung và nợ chung. Trường hợp sau này có phát sinh tranh chấp tài sản chung và nợ chung thì được giải quyết thành vụ kiện khác.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Cẩm T phải nộp 300.000 đồng, tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị T đã nộp theo phiếu thu số AA/2016/004388 ngày 19.12.2018 được chuyển thành án phí. Chị T đã nộp xong.

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày Tòa án niêm yết bản án tại địa phương để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND TP. Cần Thơ;
- VKSND quận T;
- THA quận T;
- UBND phường B
(nơi đkkh);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thanh Điền